



Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

21. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH THỦY LỢI

a) Các chuyên ngành (Specialization):

- 21.1. Xây dựng công trình Thủy lợi – Thủy điện (Hydropower Hydraulic Works Construction)
- 21.2. Thủy văn – Thủy lực (Hydraulics – Hydrology)
- 21.3. Thủy lợi cải tạo đất (Irrigation–drainage and Soil Reclamation)
- 21.4. Kỹ thuật và quản lý tài nguyên nước (Water Resources Engineering and Management)
- 21.5. Cấp thoát nước (Water Supply and Drainage)
- 21.6. Kỹ thuật và quản lý môi trường (Environmental Engineering and Management)
- 21.7. Cơ khí thủy lợi (Mechanical Engineering on Hydraulic Works)
- 21.8. Kinh tế thủy lợi (Water Resources and Hydraulic Engineering Economics)
- 21.9. Kỹ thuật và quản lý vùng ven bờ biển (Coastal Engineering and Management)
- 21.10. Địa chất thủy văn và địa kỹ thuật (Hydrogeology and Geotechnical Engineering)
- 21.11. Phòng chống thiên tai và Thích ứng với biến đổi khí hậu (Natural Disaster Prevention and Climate Change Adaptation)

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế ⁽¹⁾		Tạp chí	ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI) mức Q1, Q2 và Q3	0 – 2,0
				ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI) mức Q4 và Scopus	0 – 1,5
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác ⁽²⁾		Tạp chí	Do HĐGSNN quyết định từng trường hợp cụ thể.	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế ⁽³⁾		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN.	0 – 0,75
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN.	0 – 0,5
5.	Viet Nam Journal of Science, Technology and Engineering (VJSTE)	2525-2461	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 1,25 từ 2019
6.	Địa chất	0866–7381	Tạp chí	Tổng cục Địa chất, Bộ Tài nguyên và Môi trường	0 – 1,0



Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

7.	VNU Journal of Science (Tên cũ: Khoa học – Khoa học tự nhiên)	0866–8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0
8.	Khoa học và Công nghệ biển	1859–3097	Tạp chí	Viện Hải dương học Nha Trang, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 – 1,0
9.	Khoa học Đất	0868–3743	Tạp chí	Hội Khoa học đất Việt Nam	0 – 1,0
10.	Khí tượng Thủy văn	0866–8744	Tạp chí	Tổng cục Khí tượng thủy văn, Bộ TN và Môi trường	0 – 1,0
11.	Nông nghiệp và PTNT (Tên cũ: KHKT Nông nghiệp; Kinh tế Nông nghiệp; Nông nghiệp và CN thực phẩm; Thủy lợi; Thủy sản)	0866–7020	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0 – 1,0
12.	Viet Nam Journal of Mechanics (Tên cũ: Cơ học)	0866–7136	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 – 1,0
13.	Khoa học công nghệ xây dựng	1859–1566	Tạp chí	Bộ Xây dựng	0 – 1,0
14.	KH Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường (Tên cũ: Khoa học)	1859–3941	Tạp chí	Trường ĐH Thủy lợi	0 – 1,0
15.	Khoa học và Công nghệ	0866–708X	Tạp chí	Viện Địa kỹ thuật, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam	0 – 1,0
16.	Địa kỹ thuật	0868–279X	Tạp chí	Viện Địa kỹ thuật, Liên hiệp các Hội KH&KT VN	0 – 1,0
17.	Khoa học và Công nghệ Thủy lợi (Cũ: Khoa học Thủy lợi)	1859–4255	Tạp chí	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	0 – 1,0
18.	Các Khoa học về Trái đất	0886–7187	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 – 1,0
19.	Phát triển Khoa học và Công nghệ (Tên cũ: Khoa học)	1859–0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP. HCM	0 – 0,75
20.	Người xây dựng	0866–8531	Tạp chí	Tổng Hội Xây dựng Việt Nam	0 – 0,75
21.	Tài nguyên nước	1859–3771	Tạp chí	Hội Thủy lợi Việt Nam	0 – 0,75
22.	Khoa học & Công nghệ Việt Nam (bản B)	1859–4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2019
23.	Dầu khí	0866–8531	Tạp chí	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia VN (Cũ: Tổng cục dầu khí)	0 – 0,5

Kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

24.	Khoa học – Công nghệ Hàng hải	1859–316X	Tạp chí	Trường ĐH Hàng hải VN	0 – 0,5
25.	Khoa học Giao thông vận tải	1859–2724	Tạp chí	Trường ĐH Giao thông Vận tải	0 – 0,5
26.	Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp	1859–1523	Tạp chí	Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	0 – 0,5
27.	Khoa học và Phát triển (tên cũ: Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp)	1859–0004	Tạp chí	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	0 – 0,5
28.	Khoa học và Công nghệ các trường đại học kỹ thuật	2354–1083	Tạp chí	Trường ĐHBKHN; ĐH Đà Nẵng; Trường ĐH KTCN–ĐH Thái Nguyên; Trường ĐHBK TP. HCM; Trường ĐH SPKT TP. HCM; Học viện CNBCVT	0 – 0,5
29.	Khoa học và Công nghệ	1859–1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,5
30.	Kinh tế sinh thái	1859–2317	Tạp chí	Viện Kinh tế sinh thái	0 – 0,5
31.	Kết cấu và Công nghệ xây dựng	1859–3194	Tạp chí	Hội Kết cấu và công nghệ xây dựng Việt Nam	0 – 0,5
32.	Tuyển tập công trình Cơ học thủy khí		Tuyển tập	Hội Cơ Thủy khí, Hội Cơ học Việt Nam	0 – 0,5
33.	Tuyển tập kết quả nghiên cứu KH&CN	0866–7292	Tuyển tập	Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam	0 – 0,5
34.	Tuyển tập hội nghị thường niên	978–604–82–0066–4	Tuyển tập	Trường ĐH Thủy lợi	0 – 0,5
35.	Khoa học công nghệ xây dựng	1859–2996	Tạp chí	Trường ĐH Xây dựng	0 – 0,5
36.	Khoa học tài nguyên và môi trường	0866–7608	Tạp chí	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	0 – 0,5 từ 2016
37.	Khoa học Biến đổi khí hậu	2525–2496	Tạp chí	Viện KH Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	0 – 0,5 từ 2019
38.	Khoa học & Công nghệ Việt Nam (Bản A) (Tên cũ: Hoạt động Khoa học)	0866–7152	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2013 0 – 0,5 từ 2020
39.	Môi trường	1859–042X	Tạp chí	Tổng cục Môi trường	0 – 0,25 từ 2019
40.	Khoa học Đại học Huế: Khoa học Tự nhiên	1859–1388 e-2615-9678	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5 từ 2020
41.	Khoa học Đại học Huế: Kỹ thuật và Công nghệ	2588–1175	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,25 từ 2020

		e-2615-9732			
42.	Khoa học Đại học Huế: Khoa học Trái đất và Môi trường	2588 – 1183 e-2615-9694	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,25 từ 2020
43.	Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2588 – 1191 e-2615-9708	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,25 từ 2020
44.	Khoa học Mỏ - Địa chất	1859 - 1469	Tạp chí	Trường ĐH Mỏ - Địa chất	0 – 0,5 từ 2020

Chú thích:

(1) Tạp chí quốc tế có uy tín được xác định thuộc hệ thống xếp hạng ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI) hoặc Scopus: Bài báo thuộc hệ thống xếp hạng ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI) ở mức Q1, Q2, Q3 được tính từ 0 – 2,0 điểm; bài báo thuộc hệ thống xếp hạng ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI) ở mức Q4 và Scopus được tính từ 0 – 1,5 điểm; bài báo ở mức Q1 được cộng thêm 50% điểm tối đa; ở mức Q2 được cộng thêm 25% điểm tối đa; ở mức Q3 không được cộng thêm; bài báo ở mức Q4 được tính tương đương với bài báo Scopus.

(2) Tạp chí nước ngoài có chất lượng cao do Hội đồng phân tích, thảo luận và quyết định dựa trên uy tín của tạp chí, chất lượng của bài báo và đúng chuyên ngành mà ứng viên đăng ký: Các tạp chí thuộc danh mục JStage của Nhật Bản có thể xem xét tính từ 0 – 1,5 điểm; các tạp chí uy tín của các trường đại học Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, tạp chí trong hệ thống ACI nhưng không thuộc hệ thống ISI, Scopus được xem xét tính điểm từ 0 đến 1,25 điểm; không tính điểm đối với bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục tạp chí kém chất lượng (predatory journals).

(3) Bài báo được đăng trong các kỷ yếu (Proceedings) không được công nhận là bài báo quốc tế uy tín.

c) Tác giả chính, sách phục vụ đào tạo

- Tác giả chính là “corresponding author” của bài báo, trường hợp tạp chí hoặc bài báo không ghi rõ ai là “corresponding author” thì người đứng đầu trong nhóm tác giả được công nhận là tác giả chính; không chấp nhận việc xác nhận tác giả chính trong nhóm đồng tác giả của bài báo.

- Sách phục vụ đào tạo

+ Sách phục vụ đào tạo chỉ được công nhận khi đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của QĐ37/QĐ-TTG năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, phải đảm bảo yêu cầu có tính khoa học và có tính sư phạm, phục vụ cho đào tạo từ trình độ đại học trở lên;

+ Không công nhận các loại tài liệu như sổ tay kỹ thuật hoặc các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chuyên ngành;

+ Đối với việc biên soạn chương sách, ngoài quy định về yêu cầu chất lượng sách như ở mục trên; chương sách phải được biên soạn đầy đủ, trọn vẹn cả một chương, thể hiện tính khoa học và giải quyết đầy đủ vấn đề mà chương sách đó nêu ra.